

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – LÀO CAI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: **38/2026/HNGĐ - ST**

Ngày: 24/4/2026

V/v: “Xác định cha cho con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Công Thắng.

2. Ông Lê Trọng Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án Khu vực 4 – Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về: Xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2026/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 và thông báo mở lại phiên tòa số: 123/2026/TB-TA ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm 1994. Số định danh cá nhân: 015094004079.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Lào Cai. (Ngày 17/3/2026 có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Bàn Thị B, sinh năm 1989. Số định danh cá nhân: 015189007178.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai. (Ngày 17/3/2026 có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Tương Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nông Văn T trình bày: Anh và chị Bàn Thị B có quen biết nhau từ năm 2022, sau đó phát sinh tình cảm, cả hai đã quan hệ tình dục rồi thời gian sau đó mới làm

thủ tục đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Chị B đã sinh ra con chung dự định đặt tên là Nông Thị Như Ý, tuy nhiên con chung không được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Bàn Thị B và anh T. Trước khi kết hôn với anh, chị B và Trương Văn C, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai là vợ chồng, tuy nhiên chị B, anh C đã sống ly thân, đầu năm 2024 chị B đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giải quyết ly hôn, kết quả cả hai đã ly hôn theo Bản án số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (cũ). Trong thời gian chị B, anh C sống ly thân, anh và chị B có quan hệ tình dục với nhau sinh ra con chung dự định đặt tên là Nông Thị Như Ý, sinh ngày 08/01/2025 (theo giấy chứng sinh số 19, quyền số 01 ngày 08/01/2025 của Bệnh viện Đ). Nay anh T đề nghị xác định anh là cha đẻ của cháu dự định đặt tên là Nông Thị Như Ý, sinh ngày 08/01/2025.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bàn Thị B trình bày: Chị và anh Trương Văn C, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai trước đây là vợ chồng, tuy nhiên cả hai đã ly hôn theo Bản án số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Trước khi ly hôn chị và anh C đã có thời gian sống ly thân, trong thời gian anh chị làm thủ tục ly hôn chị có quen biết, quan hệ tình cảm yêu đương với anh Nông Văn T, sinh năm 1994; trú tại thôn B, xã S, tỉnh Lào Cai. Chị và anh T đã quan hệ tình dục và sinh ra con chung dự kiến đặt tên là Nông Thị Như Ý, sinh ngày 08/01/2025 (theo giấy chứng sinh số 19, quyền số 01 ngày 08/01/2025 của Bệnh viện Đ). Mặc dù cháu Nông Thị Như Ý không được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Nông Văn T, tuy nhiên chị xác định Nông Thị Như Ý là con chung giữa chị và anh Nông Văn T. Nay đề nghị Tòa án công nhận anh Nông Văn T là cha đẻ của cháu dự kiến đặt tên là Nông Thị Như Ý, sinh ngày 08/01/2025.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trương Văn C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy ngày 31/3/2026 đã phải ra Quyết định hoãn phiên toà lần 1.

Tại Kết luận giám định ADN số 111/26/KLGDADN-PYQG ngày 06/02/2026 của Viện Pháp y Q – Bộ Y đã kết luận: Nông Văn T có quan hệ huyết thống cha – con với cháu bé có tên dự định là Nông Thị Như Ý, độ tin cậy 99,9999 %.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao chứng thực Bản án số 59/2024/HNGĐ ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; bản sao chứng thực giấy chứng sinh con dự định đặt tên Nông Thị Như Ý; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị T, anh B; đơn xin miễn án phí; bản sao chứng thực Căn cước công dân của Nông Văn T, Bàn Thị B; biên bản lựa chọn Tòa án; bản phô tô (đã đối chiếu) căn cước điện tử của Nông Văn T, Bàn Thị B; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của Nông Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Nông Văn T, bị đơn chị Bàn Thị B vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Nông Văn T, chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C. Về luật nội dung căn cứ 88, 89, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nông Văn T: Xác định anh Nông Văn T, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã S, tỉnh Lào Cai là cha đẻ của cháu (dự định đặt tên là Nông Thị Như Ý, sinh ngày 08/01/2025 theo giấy chứng sinh số 19, quyển số 01 ngày 08/01/2025 của Bệnh viện Đ). Về án phí các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nông Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản T, xã S, tỉnh Lào Cai; bị đơn chị Bàn Thị B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai, A, chị B thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lào Cai giải quyết vụ án do vậy Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Nông Văn T, chị Bàn Thị B vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tướng Văn C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với Nguyên đơn, bị đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Nông Văn T, chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C.

[3] Về yêu cầu xác định cha cho con: Lời khai của nguyên đơn anh Nông Văn T, bị đơn chị Bàn Thị B có sự thống nhất, cụ thể trong thời gian chị Bàn Thị B và anh Tướng Văn C sống ly thân, chị B có quan hệ tình dục với anh Nông Văn T và đã có con chung (dự định đặt tên là Nông Thị Như Ý, sinh ngày 08/01/2025 theo giấy chứng sinh số 19, quyển số 01 ngày 08/01/2025 của Bệnh viện Đ). Phù

hợp với kết quả phân tích ADN số 111/26/KLGDADN-PYQG ngày 06/02/2026 của Viện Pháp y Q – Bộ Y đã kết luận: Nông Văn T có quan hệ huyết thống cha – con với cháu có tên dự định là Nông Thị Như Ý, độ tin cậy 99,9999 %. Do vậy yêu cầu xác định cha cho con của anh T phù hợp với quy định tại Điều 89, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nông Văn T và chị Bàn Thị B là các đương sự trong vụ án tranh chấp xác định cha cho con chưa thành niên nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 88; Điều 89; Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng điểm b khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Về quan hệ tranh chấp: Xác định anh Nông Văn T, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã S, tỉnh Lào Cai là cha đẻ của cháu dự định đặt tên là Nông Thị Như Ý, sinh ngày 08/01/2025 theo giấy chứng sinh số 19, quyển số 01 ngày 08/01/2025 của Bệnh viện Đ;

2. Anh Nông Văn T và chị Bàn Thị B có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hộ tịch để làm thủ tục khai sinh cho con có tên dự kiến Nông Thị Như Ý theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí sơ thẩm về Hôn nhân gia đình cho anh Nông Văn T và chị Bàn Thị B.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nông Văn T, chị Bàn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tướng Văn C có quyền kháng cáo

phần Bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lào Cai; **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Khu vực 4 – Lào Cai;

- Phòng THADS Khu vực 4;

- Các đương sự;

- UBND xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai;

- UBND xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai;

- Lưu HS.

Hoàng Ngọc Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

